

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục, năm học 2022-2023

TT	Nội dung	Kết quả dự kiến đạt được trong năm học	
		Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Tên chương trình giáo dục mầm non thực hiện	<p>Thực hiện theo chương trình chăm sóc giáo dục Mầm non Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT và Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT, sửa đổi bổ sung TT số 51/2020</p> <p>* Phát triển thể chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ. - Phát triển một số tố chất vận động ban đầu (nhạy, khéo léo, thăng bằng cơ thể). - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động của bàn tay, ngón tay. - Có khả năng làm một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và VS cá nhân. <p>* Phát triển nhận thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh - Có sự nhạy cảm của các giác quan. - Có khả năng quan sát nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản. - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. 	<p>Thực hiện theo chương trình chăm sóc giáo dục Mầm non Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT và Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT, sửa đổi bổ sung TT số 51/2020</p> <p>* Phát triển thể chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ. - Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân. <p>* Phát triển nhận thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ham hiểu biết thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán chú ý ghi nhớ có chủ định - Có khả năng diễn đạt hiểu biết bằng các cách khác nhau (hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu - Có một số hiểu biết ban đầu về con người, hiện tượng sự vật xung

TT	Nội dung	Kết quả dự kiến đạt được trong năm học	
		Nhà trẻ	Mẫu giáo
		<p>* Phát triển ngôn ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. - Hồn nhiên trong giao tiếp. <p>* Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội + thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người sự vật gần gũi. - Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt. - Thích hát, nghe hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ và kể chuyện... 	<p>quan và một số khái niệm sơ đẳng về toán.</p> <p>* Phát triển ngôn ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói giao tiếp hằng ngày. - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...) - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong đời sống hằng ngày. - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp độ tuổi. - Có một số kỹ năng ban đầu về đọc viết. <p>* Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức về bản thân, - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm chia sẻ. - Thực hiện một số quy tắc quy, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi. <p>* Phát triển thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. - Có khả năng thể hiện cảm xúc trong hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.
II	Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ dự kiến đạt được		
1	Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với từng độ tuổi.

TT	Nội dung	Kết quả dự kiến đạt được trong năm học	
		Nhà trẻ	Mẫu giáo
		<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với từng độ tuổi. - Khẩu phần dinh dưỡng: + Nhà trẻ đạt 606 Kcalo/ngày. - Chất lượng cân đo trẻ: + Về cân nặng: Bình thường: 57/58 đạt 98%. Cao hơn: 0/348 đạt 0%. . SDD thể nhẹ cân mức độ 1: 01/58 đạt 2% + Về chiều cao: . Bình thường: 49/58 đạt 84% . Cao hơn: 0/58 đạt 0%. . SDD thể thấp còi mức độ 1: 9/58 đạt 16%. + Cân nặng/chiều cao: . Bình thường: 58/58 đạt 100% . Suy dinh dưỡng thể gầy còm: 0/58 đạt 0%. . Thừa cân: 0/58 đạt 0%. . Béo phì: 0/58 đạt 0%. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khẩu phần dinh dưỡng: + Mẫu giáo đạt 622 Kcalo/ngày. - Chất lượng cân đo trẻ: + Về cân nặng: Bình thường: 295/317 đạt 93%. Cao hơn: 12/317 đạt 4%. . SDD thể nhẹ cân mức độ 1: 11/317 đạt 3% + Về chiều cao: . Bình thường: 299/317 đạt 94.3% . Cao hơn: 01/317 đạt 0.3%. . SDD thể thấp còi mức độ 1: 17/317 đạt 5.4%. + Cân nặng/chiều cao: . Bình thường: 289/317 đạt 91.1% . Suy dinh dưỡng thể gầy còm (M1): 02/317 đạt 0.6%. . Suy dinh dưỡng thể gầy còm (M2): 01/317 đạt 0.3%. . Thừa cân: 12/317 đạt 4%. . Béo phì: 13/317 đạt 4%.
2	Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ	<ul style="list-style-type: none"> - Khám sức khỏe định kỳ: 365/365 đạt 100% trẻ được khám sức khỏe 1 lần/năm, kết quả: + Sức khỏe loại 1: 334/365 đạt 92%. + Sức khỏe loại 2: 31/365 đạt 8% - Thường xuyên vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi; luôn giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải một cách hợp lý. 	
3	Chất lượng giáo dục trẻ	<p>* Kết quả đạt được trên trẻ cuối năm học 2022-2023:</p> <p>- Lĩnh vực phát triển thể chất: Tổng số trẻ được đánh giá 66 trẻ trong đó: + Đạt: 48/58 = 83% + Cần cố gắng: 8/58 = 14% + Chưa đạt: 02/58 = 3%</p> <p>- Lĩnh vực phát triển TCKNXH: + Đạt: 49/58 = 84% + Cần cố gắng: 07/58 = 12% + Chưa đạt: 02/58 = 3%</p> <p>- Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ: + Đạt: 47/58 = 81% + Cần cố gắng: 9/58 = 16% + Chưa đạt: 02/58 = 3%</p>	<p>* Kết quả đạt được trên trẻ cuối năm học 2022-2023:</p> <p>- Lĩnh vực phát triển thể chất: Tổng số trẻ được đánh giá 282 trẻ trong đó: + Đạt: 282/317 = 89% + Cần cố gắng: 32/317 = 10% + Chưa đạt: 03/317 = 1%</p> <p>- Lĩnh vực phát triển TCKNXH: + Đạt: 281/317 = 89% + Cần cố gắng: 36/317 = 10.5% + Chưa đạt: 01/317 = 0.5%</p> <p>- Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ: Tổng số trẻ được đánh giá 317 trẻ. + Đạt: 285/317 = 90% + Cần cố gắng: 29/317 = 9% + Chưa đạt: 03/317 = 1%</p>

TT	Nội dung	Kết quả dự kiến đạt được trong năm học	
		Nhà trẻ	Mẫu giáo
		- Lĩnh vực phát triển nhận thức: + Đạt: 48/58 = 83% + Cần cố gắng: 08/58 = 14% + Chưa đạt: 02/58 = 3%	- Lĩnh vực phát triển nhận thức: + Đạt: 279/317 = 88% + Cần cố gắng: 36/317 = 11.4% + Chưa đạt: 02/282 = 0.6% - Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ: + Đạt: 279/317 = 88% + Cần cố gắng: 37/317 = 11.7% + Chưa đạt: 01/317 = 0.3%
		* Đánh giá chung + Đạt: 48/58 = 83% + Cần cố gắng: 08/58 = 14% + Chưa đạt: 02/58 = 3%	* Đánh giá chung + Đạt: 279/317 = 88% + Cần cố gắng: 37/317 = 11.7% + Chưa đạt: 01/317 = 0.3%
IV	Các hoạt động hỗ trợ nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ sở GDMN (nếu có)	* Mức độ về năng lực: - Trẻ tìm hiểu khám phá về thế giới xung quanh bằng các giác quan. - Trẻ có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ diễn đạt hiểu biết bằng câu nói đơn giản. - Trẻ có khả năng bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. - Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi. - Trẻ nói một vài đặc điểm nổi bật của các đối tượng quen thuộc, lấy và cất đồ dùng theo yêu cầu. * Mức độ về hành vi: - Trẻ biết lễ phép chào hỏi và cảm ơn. - Trẻ thực hiện hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ. - Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác. - Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	* Mức độ về năng lực: - Trẻ có khả năng xem xét và tìm hiểu đặc điểm của sự vật hiện tượng. - Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản. - Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau: + Mô tả nhận xét trò chuyện và thảo luận về đặc điểm sự khác nhau của các đối tượng. + Thể hiện hiểu biết về đối tượng thông qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình... - Trẻ làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán. - Trẻ khám phá về xã hội * Mức độ về hành vi: - Trẻ có một số hành vi tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe. - Trẻ thể hiện hành vi và quy tắc ứng xử xã hội: + Thực hiện một số quy định của lớp, gia đình và nơi công cộng + Biết lễ phép, chú ý lắng nghe, chờ đến lượt, biết cùng trao đổi với bạn và giải quyết mâu thuẫn.

Đông Hưng, ngày 22 tháng 6 năm 2023
 Thủ trưởng đơn vị
 (Ký tên và đóng dấu)

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2022-2023

T T	Nội dung		Kết quả thực tế đạt được trong năm học									
			Toàn trường			Trong đó chia ra						
			Kết quả đạt được		Đánh giá mức độ đạt được so với dự kiến đầu năm học	Nhà trẻ			Mẫu giáo			
			Số lượng trẻ	Đạt tỷ lệ		3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi	
1	Huy động trẻ	Tổng số trẻ đi học	375	100%			7	51	102	90	125	
		Trẻ học nhóm ghép										
		Trẻ học 2 buổi/ngày	375	100%			7	51	102	90	125	
		Trẻ khuyết tật học hòa nhập										
2	Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	Trẻ được tổ chức ăn bán trú	375	100%			7	51	102	90	125	
		Trẻ được cung cấp chế độ và khẩu phần ăn đảm bảo theo nhu cầu khuyến nghị	375	100%								
3	Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ	Trẻ được khám sức khỏe định kỳ	375	100%			7	51	102	90	125	
		Trẻ được cân-đo, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định	375	100%			7	51	102	90	125	
		Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ	Trẻ có cân nặng bình thường						57	99	85	111
			Trẻ có chiều cao bình thường						49	98	85	116
			Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân						1	1	2	7
			Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi						9	3	5	9
			Trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm						0	1	0	2
			Trẻ thừa cân						0	2	3	11
Trẻ béo phì						0		2	11			
Trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần	375	100%				7	51	102	90	125		

T T	Nội dung		Kết quả thực tế đạt được trong năm học										
			Toàn trường			Trong đó chia ra							
			Kết quả đạt được		Đánh giá mức độ đạt được so với dự kiến đầu năm học	Nhà trẻ			Mẫu giáo				
			Số lượng trẻ	Đạt tỷ lệ		3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi		
4	Chất lượng giáo dục trẻ	Trẻ đi học chuyên cần							86%	85%	81.4%	87%	
		Đánh giá chất lượng giáo dục trẻ	Trẻ được đánh giá ở mức "Đạt"							48=83%	84=82%	81=90%	114=91%
			Trẻ được đánh giá ở mức "Cần cố gắng"							8=14%	17=17%	9=10%	11=9%
			Trẻ được đánh giá ở mức "Chưa đạt"							2=3%	1=1%	0=0%	0=0%
		Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN											125
		Trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến bộ											

Đông Hưng, ngày 22 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất, năm học 2022-2023

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng		Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	12	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	2	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	3.300	8,8 m ² / trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1.980	5,28 m ² / trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	580	1,6m ² / trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	160	0,46 m ² / trẻ
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	388	
5	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m²)</i>		1,1m ² / trẻ
6	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m²)</i>	45	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	60	0,17 m ² / trẻ
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	12	01 bộ /lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	14	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (09 máy vi tính, 01 máy chiếu, máy in 06)	16	6 bộ/sân chơi
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Loa di động	2	
2	Bộ loa máy	1	
3	Bàn ghế đúng quy cách	300	
4	Bộ đồ chơi tự làm	6	
5	Ti vi	13	

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)		
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho trẻ	
			Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		12
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*			

(*Theo Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..		

Đông Hưng, ngày 22 tháng 6 năm 2023
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên, năm học 2022-2023

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên															
I	Giáo viên				21	2			16	4	3					
1	Nhà trẻ				4				4							
2	Mẫu giáo				17	2			12	4	3					
II	Cán bộ quản lý				2				2							
1	Hiệu trưởng				1				1							
2	Phó hiệu trưởng				1				1							
III	Nhân viên				1	1	1	5								
1	Nhân viên văn thư															
2	Nhân viên kế toán				1											
3	Thủ quỹ															
4	Nhân viên y tế															
5	Nhân viên nuôi dưỡng					1	1	5								
6	Nhân viên khác															
..	..															

Ghi chú: Đối tượng chưa có tiêu chí đánh giá "Hạng chức danh nghề nghiệp" và "Chuẩn nghề nghiệp" thì để trống.

Văn thư: Hạng I tương ứng với Văn thư viên chính, Hạng II tương ứng với Văn thư viên, Hạng II tương ứng với văn thư viên trung cấp

Đông Hưng, ngày 22 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)